

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2017/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 9 - 2017
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Công Nghĩa
2. Bà Trần Thị Ngọc Lan

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Như Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoài Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2017/TLST-HNGĐ ngày 13/7/2017 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/8/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1991
Trú tại: thôn C, xã L, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1994
Trú tại: thôn T, xã T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 12/7/2017 và bản tự khai, nguyên đơn, chị Phạm Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Đ tìm hiểu và đi đến kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 19/11/2014. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của anh chị chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ thường xuyên ăn chơi, nhậu nhẹt, lại đam mê cờ bạc và hay gây gổ, đánh đập chị; thậm chí anh Đ còn có biểu hiện quan hệ bất chính với người phụ nữ khác khiến chị không thể chịu đựng được. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng thật sự bế tắc, không tìm được hướng đi chung, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài và hiện tại chị cảm thấy mình thật sự không còn tình cảm gì với anh Đ

nữ nên nguyện vọng mong muốn được ly hôn với anh Đ để sớm ổn định cuộc sống bản thân.

Quá trình chung sống chị và anh Đ chưa có con chung, chưa tôn tạo được tài sản chung gì và cũng không có nợ nần gì chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập nhiều lần cho anh Đ nhưng anh Đ không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T và theo lời khai của bà Trần Thị Th (mẹ đẻ của anh Đ) cho thấy: Gia đình anh Đ đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng nói trên của Tòa án và đã thông báo cho anh Đ biết về nội dung, thời gian đến trụ sở Tòa án cũng như trụ sở Ủy ban nhân dân xã T để tham gia tố tụng. Tuy nhiên, anh Đ đều không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án để giải quyết vụ án. Gia đình anh Đ có hỏi anh Đ địa chỉ nơi cư trú hiện nay nhưng anh Đ cũng không cung cấp để gia đình cung cấp cho Tòa án. Về quan hệ hôn nhân với chị T, anh Đ đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật, mở phiên tòa xét xử vụ án vào ngày 25/8/2017, trước đó đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Đ, tuy nhiên do anh Đ vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa. Tòa án triệu tập anh Đ đến phiên tòa tiếp theo và cũng đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập đến phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Đ, nhưng tại phiên tòa anh Đ vẫn tiếp tục vắng mặt. Đối với chị Phạm Thị T, do công việc của chị không thể chủ động được về mặt thời gian nên chị đã viết đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về mặt tố tụng, quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vấn đề gì vi phạm; nguyên đơn tuân thủ nghiêm chỉnh sự triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vụ án vắng mặt cả anh Nguyễn Văn Đ và chị Phạm Thị T.

Về mặt nội dung, thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị T ly hôn với anh Đ; không xem xét giải quyết về con chung và tài sản chung của vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Đ thông qua gia đình anh Đ. Theo xác nhận của mẹ anh Đ thì tất cả các văn bản trên đều đã được tổng đạt hợp lệ cho anh Đ. Tuy nhiên, anh Đ đều không chấp hành theo triệu tập của Tòa án, cố tình vắng mặt, cố tình giấu địa chỉ cư trú hiện tại của mình. Về phía chị T, trong quá trình giải quyết vụ án đều chấp hành nghiêm chỉnh các thông báo, triệu tập của Tòa án. Tuy nhiên, do thời gian giải quyết vụ án phải kéo dài vì anh Đ cố tình trốn tránh nghĩa vụ, cho nên chị phải rời khỏi địa phương đi làm ăn. Trước khi đi chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vụ án vắng mặt chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh Đ lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, lẽ ra vợ chồng phải biết thương yêu, chăm sóc, cảm thông và tạo điều kiện cho nhau về mọi mặt trong cuộc sống để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng khi sống chung với nhau thì chỉ được một thời gian ngắn anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ còn ham chơi, sống không có trách nhiệm với gia đình, có lúc không làm chủ được bản thân nên đã có hành vi bạo lực với chị T; đồng thời, việc anh Đ có biểu hiện thiếu chung thủy cũng là một phần nguyên nhân khiến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách và gây nhiều xích mích, mâu thuẫn. Do vậy, chị T đã trình bày nguyện vọng kiên quyết muốn ly hôn vì cảm thấy không thể chung sống với anh Đ được nữa.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ là trầm trọng, không thể hàn gắn, hòa giải được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị T, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn đối với anh Nguyễn Văn Đ là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung và tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Thị T khai nhận, giữa chị với anh Nguyễn Văn Đ chưa có con chung, không có tài sản chung gì, không vay nợ của ai cũng như không cho ai vay nợ của vợ chồng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Xét xử vụ án vắng mặt chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Đ.
 2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Phạm Thị T, cho chị Phạm Thị T ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.
 3. Về quan hệ con chung: Không có nên không xem xét
 4. Về quan hệ tài sản chung: Không có nên không xem xét.
 5. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được trừ đi 300.00 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002010, ngày 12/7/2017. Chị Phạm Thị T đã nộp đủ tiền án phí.
- Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) và trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án (đối với người vắng mặt).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu